TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/DS-ST
Ngày: 06-9- 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Nguyên và bà Trần Thu Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp X2, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Thái Thị L trình bày:

Vào ngày 25/03/2014, bà Thái Thị L (gọi tắt là bà L) có cho bà Nguyễn Thị T (gọi tắt là bà T) vay số tiền 18.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 24.000.000 đồng, đến khi bà L đến thu hồi vốn thì bà T không trả mà còn thách thức đi thưa ra chính quyền.

Vào ngày 04/01/2023 chính quyền ấp X2 tổ chức hòa giải, tại phiên hòa

giải tổ hòa giải động viên bỏ phần lãi 6.000.000 đồng và lấy phần gốc cho vay là 18.000.000 đồng. Sau đó bà T có trả cho bà L được số tiền 3.000.000 đồng hiện còn nợ 15.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà L yêu cầu bà T trả số tiền vay là 15.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tính từ ngày 04/01/2023 đến ngày trả xong nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

Tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả số tiền 14.000.000 đồng theo xác nhận của bà T tại phiên hòa giải ngày 04/8/2023 tại Tòa án và không yêu cầu tính lãi chậm trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Nguyễn Thị T có ý kiến trình bày như sau:

Vào năm 2014 bà T có hỏi vay tiền của bà Lan 9.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận 20.000đồng/ngày/1.000.000đồng. Khi vay tiền các bên không có làm giấy tờ biên nhận chỉ thỏa thuận bằng miệng. Từ khi vay tiền đến năm 2015 bà T có trả cho bà Lsố tiền vốn gốc 9.000.000 đồng còn tiền lãi chưa trả. Sau đó bà L tiếp tục yêu cầu bà T trả tiền lãi thì bà T có trả được một số lần trong đó một lần trả được 2.000.000 đồng và một lần trả được 900.000 đồng và trả một số lần khác nhưng không nhớ cụ thể, việc trả lãi và trả vốn các bên đều không làm giấy tờ biên nhận. Do bà T không trả hết số tiền lãi còn thiếu nên bà L có nhờ ban lãnh đạo ấp X2 giải quyết. Tại buổi hòa giải đã yêu cầu bà T trả bà L 18.000.000 đồng sau đó bà T đã trả được 4.000.000 đồng đến nay chỉ còn nợ 14.000.000 đồng. Nay bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng xin bà L không tính lãi. Đối với số tiền lãi đã trả cho bà L trước đó thì bà T không yêu cầu tính lại.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) biên bản hòa giải tại ấp X2, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau tại phiên tòa các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có.

Nội dung không thống nhất: Bà L yêu cầu bà T trả số tiền vay vốn gốc 15.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 04/01/2023 cho đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất 1,6%/tháng, yêu cầu bà T trả một lần; còn bà T xác nhận nợ bà L 14.000.000 đồng xin trả dần một tháng 500.000 đồng và xin miễn trả lãi.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận việc thay đổi yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả 14.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

Tại phiên tòa bà L thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và L xác định cho bà T có vay 18.000.000 đồng và hiện nay bà T còn nợ của bà L 15.000.000 đồng nên yêu cầu bà T phải trả 15.000.000 đồng tiền vay. Cùng với đơn khởi kiện bà L đã cung cấp Biên bản hòa giải của ấp X2 về việc giải quyết tranh chấp nợ giữa bà L và bà T, tuy nhiên trong biên bản hòa giải này không thể hiện ý chí của cá nhân bà T, không có chữ ký xác nhận của bà T nên không có căn cứ để nhận định bà T có nợ của bà L 15.000.000 đồng. Tòa án đã ra thông báo cho bà L cung cấp

chứng cứ chứng minh bà T có nợ số tiền 15.000.000 đồng nhưng bà L không cung cấp. Tại phiên tòa bà L cung cấp chứng cứ là 01 tờ giấy kẻ ngang nội dung ghi tiền dùm trả góp nhưng số tiền ghi trong biên nhận cũng không phù hợp với nội dung bà L yêu cầu đồng thời chứng cứ này chưa được công khai tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ tại Tòa án do bà L cố tình không giao nộp và tại phiên tòa bà T vắng mặt nên không có cơ sở để đối chiếu nên không có căn cứ để chấp nhận chứng cứ do bà L cung cấp tại phiên tòa làm căn cứ để xác định số nợ giữa bà T với bà L.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả số tiền 14.000.000 đồng theo xác nhận của bà T tại phiên hòa giải tại Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên hòa giải ngày 04/8/2023 bà T xác định việc vay tiền, trả tiền gốc, tiền lãi giữa các bên không làm giấy tờ biên nhận nhưng đến nay đồng ý trả cho bà L số tiền 14.000.000 đồng. Từ việc bà T xác nhận và đồng ý trả cho bà L 14.000.000 đồng nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bà T có nợ bà L 14.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu của bà L.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc bà T trả cho bà L số tiền 14.000.000 đồng.

Ghi nhận ý kiến của bà L không yêu tính lãi chậm trả tiền.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà T phải nộp là 14.000.000 đồng x 5% = 700.000 đồng.

Bà L được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Thái Thị L số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận ý kiến của bà Thái Thị L không yêu cầu tính lãi chậm trả tiền.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Thái Thị L số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 765.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004037 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 06/9/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm